

Số: 1079/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 05 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá, thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa-Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 03 năm 2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn, làng, ấp, bản, buôn, plây, phum, sóc;

Căn cứ Thông tư 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm văn hóa thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

Căn cứ Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hoá, Thể thao phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về tổ chức, nhân sự và chế độ hỗ trợ đối với Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 694/TTr-SVHTTDL ngày 25/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá, thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Thể thao cấp huyện; Trung tâm văn hoá - Học tập cộng đồng cấp xã và chỉ đạo UBND cấp xã kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của Nhà văn hoá - Khu thể thao ấp và Nhà văn hoá khu phố trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã và Ban Giám đốc Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Thể thao cấp huyện; Trung tâm văn hoá - Học tập cộng đồng cấp xã và Ban Chủ nhiệm Nhà văn hoá - Khu thể thao ấp; Nhà văn hoá khu phố và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Thái Bảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

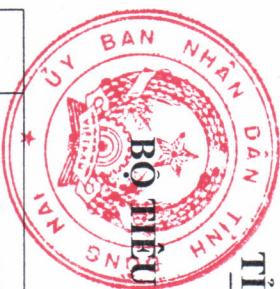


BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ VĂN HOÁ KHU PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh)

Stt	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Phường, thị trấn	Tài liệu minh chứng
1	Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động hàng năm (theo quý, năm)	10		Có kế hoạch được UBND phường, thị trấn duyệt
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ thường xuyên thu hút nhân dân tham gia	20	50% trở lên/tổng số dân	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình, hình ảnh, tài liệu và có sổ sách thống kê theo dõi lượng người tham gia
3	Hoạt động thể dục thể thao thường xuyên thu hút nhân dân tham gia	20	25% trở lên/tổng số dân	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình, hình ảnh, tài liệu và có sổ sách thống kê theo dõi lượng người tham gia
4	Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ nhân dân và cho trẻ em	20	30% thời gian hoạt động	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình, hình ảnh, tài liệu và có sổ sách thống kê theo dõi số lượng trẻ em tham gia và thời gian hoạt động.
5	Kinh phí hoạt động do nguồn ngân sách nhà nước cấp	10		
6	Kinh phí xã hội hoá	20	Từ 20 triệu trở lên	
	Tổng cộng (Từ 80 điểm trở lên được đánh giá hoạt động hiệu quả)	100		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ VĂN HOÁ- KHU THỂ THAO ẤP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh)

Stt	Tiêu chí (Theo Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL)	Điểm chuẩn	Cụm 1	Cụm 2	Tài liệu minh chứng
1	Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động hàng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và tổ chức thực hiện	10	Có kế hoạch được UBND cấp xã duyệt	Có kế hoạch được UBND cấp xã duyệt	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động cụ thể và hình ảnh, tài liệu
2	Hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên	20	50% trở lên/tổng số dân	30% trở lên/tổng số dân	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình, hình ảnh, tài liệu và sổ sách thống kê số lượng người tham gia
3	Hoạt động thể dục thể thao thường xuyên	20	25% trở lên/tổng số dân	15% trở lên/tổng số dân	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình, hình ảnh, tài liệu và có sổ sách thống kê theo dõi lượng người tham gia
4	Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em	20	30% thời gian hoạt động	20% thời gian hoạt động	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình, hình ảnh, tài liệu và có sổ sách thống kê theo dõi lượng trẻ em tham gia và thời gian hoạt động.

Stt	Tiêu chí (Theo Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL)	Điểm chuẩn	Cụm 1	Cụm 2	Tài liệu minh chứng
5	Kinh phí từ nguồn ngân sách	15	Đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 139/2018/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai)		
6	Kinh phí xã hội hoá	15	Từ 20 triệu trở lên	Từ 15 triệu trở lên	
	Tổng cộng Từ 80 điểm trở lên được đánh giá hoạt động hiệu quả	100			

Ghi chú:

- Cụm 1: Gồm Nhà Văn hoá – Khu thể thao các ấp trên địa bàn các xã thuộc huyện, thành phố sau: Nhơn Trạch, Long Thành và Trảng Bom; Biên Hoà, Long Khánh.
- Cụm 2: Gồm Nhà Văn hoá – Khu thể thao các ấp trên địa bàn các xã thuộc các huyện: Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ và Xuân Lộc.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM VĂN HOÁ, THỂ THAO – HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh)

Stt	Tiêu chí (theo Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL của Bộ VHTTDL)	Điểm chuẩn	Phương, thi trần	Các xã	Tài liệu minh chứng
1	Xây dựng kế hoạch hoạt động quý hoặc năm	05			Kế hoạch và báo cáo kết quả các hoạt động
2	Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị trong năm	10	12 cuộc/năm	Tối thiểu 4 cuộc/ năm	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu
3	Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng trong năm	5	Tối thiểu 4 buổi/năm	Tối thiểu 2 buổi/năm	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu
4	Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ trong năm	5	5 câu lạc bộ trở lên	3 câu lạc bộ trở lên	Kế hoạch và báo cáo kết quả và hình ảnh, tài liệu
5	Thư viện, phòng đọc sách, báo	5	Trang bị ít nhất 30 đầu sách	Trang bị ít nhất 25 đầu sách	Số lượng sách thực tế
6	Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, liên hoan ấp, khu phố văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc (Ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3 và ngày Gia đình 28/6, ngày Đại đoàn kết toàn dân tộc 18/11; Ngày Thế giới xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em 25/11 ...)	10	Tổ chức ít nhất 03 hoạt động trở lên		Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức và hình ảnh, tài liệu

Stt	Tiêu chí (theo Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL của Bộ VHTTDL)				Điểm chuẩn	Phương, thị trấn	Các xã	Tài liệu minh chứng
7	Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa	10	30% trở lên/tổng số dân	20% trở lên/tổng số dân				Có sổ sách thống kê theo dõi lượng người tham gia
8	Tổ chức các hoạt động thi đấu thể dục, thể thao trong năm	10	6 giải/năm	4 giải/năm				Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu
9	Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	10	25%/tổng số dân	20 %/tổng số dân				Có sổ sách thống kê theo dõi lượng người đến tham gia
10	Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao trong năm	10	30% thời gian hoạt động	20% thời gian hoạt động				Có sổ sách thống kê theo dõi lượng người và thời gian tham gia
11	Chỉ đạo, hướng dẫn Nhà văn hóa, khu thể thao ấp, khu phố hoạt động	5	01 ngày	01 ngày				Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức và các chương trình và hình ảnh, tài liệu
12	Kinh phí ngân sách nhà nước	05	Đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 139/2018/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai					
13	Kinh phí xã hội hoá	10	Từ 150 triệu trở lên	Từ 100 triệu trở lên				
	Tổng cộng (Từ 90 điểm trở lên được đánh giá hoạt động hiệu quả)	100						

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM VĂN HOÁ, THÔNG TIN VÀ THỂ THAO

CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND..... ngày 05 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh)

Stt	Tiêu chí (Theo Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ VHTTDL)	Điểm chuẩn	Cụm 1	Cụm 2	Tài liệu minh chứng
1	Xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo quý, năm	05			Kế hoạch
2	Số Chương trình hoạt động tại chỗ trong năm	05	>20 chương trình	>12 chương trình	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu minh chứng
3	Số Chương trình hoạt động lưu động trong năm	05	>10 chương trình	>6 chương trình	Kế hoạch tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu minh chứng
4	Số buổi sinh hoạt của Đội tuyên truyền lưu động trong năm	05	>100 buổi	>80 buổi	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức (về thời gian địa điểm) và hình ảnh, tài liệu minh chứng
5	Số chương trình hoạt động phối hợp, liên kết trong năm	05	>6 chương trình	>3 chương trình	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức (về thời gian địa điểm) và hình ảnh, tài liệu minh chứng
6	Số lớp năng khiếu, ngành nghề chuyên môn được tổ chức trong năm	10	>12 lớp	>8 lớp	Kế hoạch tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu minh chứng

Stt	Tiêu chí (Theo Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL, ngày 22/12/2010 của Bộ VHTTDL)	Điểm chuẩn	Cụm 1	Cụm 2	Tài liệu minh chứng
7	Số buổi liên hoan, hội thi, hội diễn, hội chợ triển lãm tổ chức trong năm	10	>6 buổi	>4 buổi	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu minh chứng
8	Số giải thi đấu thể thao trong năm	10	> 08 giải	> 6 giải	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu minh chứng
9	Các hoạt động hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ các Trung tâm Văn hóa, Thể thao – Học tập cộng đồng trên địa bàn	10	>6 lớp	>4 lớp	Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu minh chứng
10	Ăn hành tài liệu nghiệp vụ	05	>12 loại tài liệu; 1.800 bản	>6 loại tài liệu; 1.000 bản	Kế hoạch và tài liệu minh chứng
11	Tổ chức các hoạt động văn hoá, vui chơi giải trí phục vụ trẻ em	05	> 4 hoạt động trở lên. Đạt 30% thời gian hoạt động	> 3 hoạt động trở lên. Đạt 20% thời gian hoạt động	Sổ sách theo dõi số lượng và thời gian cụ thể
12	Tổ chức các hoạt động khác theo quy định của các ngành liên quan (Đài Phát thanh, Thông tin truyền thông....)	05	Đảm bảo theo quy định chuyên ngành		Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các chương trình và hình ảnh, tài liệu minh chứng
13	Tổng số lượt người đến tham gia, sinh hoạt tại Trung tâm trong năm	05	>10.000 lượt người	>8.000 lượt người	Sổ sách thông kê số lượng người trong năm

Stt	Tiêu chí (Theo Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ VHTTDL)	Điểm chuẩn	Cụm 1	Cụm 2	Tài liệu minh chứng
14	Kinh phí ngân sách nhà nước	05	Đảm bảo theo quy định		
15	Kinh phí xã hội hoá	10	Từ 150 triệu trở lên	Từ 100 triệu trở lên	
	Tổng cộng (Từ 90 điểm trở lên được đánh giá hoạt động hiệu quả)	100			

Ghi chú: - Cụm 1: Các huyện, thành phố sau: Nhơn Trạch, Long Thành và Trảng Borm; Biên Hoà, Long Khánh;

- Cụm 2: Các huyện: Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ và Xuân Lộc.